

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Diệp Thị Nét.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Vây.

2/ Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, về việc “ Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST - DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1995 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Lợi, xã Hòa Thuận, huyện C, tỉnh T

2. *Bị đơn:* Ông Kim Văn L, sinh năm 1995 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Số 99/4, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2022 và lời khai của bà Trần Thị Kim Ph là nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường 1, thành phố T vào ngày 09/4/2019. Bà Ph với ông L có 01 con chung tên Kim L, sinh ngày 18/10/2019. Sau khi cưới bà Ph và ông L về bên nhà mẹ ruột của bà Ph sinh sống, ban đầu cuộc sống hôn nhân giữa 02

vợ chồng cũng khá hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn kể từ khi sinh con, chủ yếu về vấn đề tài chính, ông L không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi, một đến hai tuần mới về nhà một lần; vào khoảng tháng 6/2020 thì ông L bỏ đi cho đến nay không về nhà nữa. Từ đó bà Ph và ông L đã ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Kim Ph yêu cầu được ly hôn với ông Kim Văn L.

- Về con chung: Bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L có 01 con chung tên Kim L, sinh ngày 18/10/2019, bà Phụng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L không có nên bà Ph không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L không có nên bà Ph không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Kim Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là đúng với quy định của pháp.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố T vào ngày 09/4/2019 như vậy hôn nhân giữa bà Ph với ông L là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên giữa vợ chồng ông, bà sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu về tài chính và ông L không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng đến khi biết bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông L thì ông không có động thái nào để đoàn tụ, như khi Tòa án triệu tập ông L đến Tòa án để giải quyết vụ án thì ông L đều vắng mặt nên xem như ông L không có nguyện vọng để đoàn tụ với bà Ph. Về con chung: Bà Ph xác định có 01 con chung tên Kim L, sinh ngày 18/10/2019 bà Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên bà Ph không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Ph. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Kim Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không yêu cầu phản tố và vắng mặt không lý do trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Kim Ph yêu cầu ly hôn với ông Kim Văn L là phù hợp với Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp của bị đơn tại khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh T như vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tố tụng: Bà Trần Thị Kim Ph có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Kim Văn L vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L là đúng với quy định của pháp luật theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố T vào ngày 09/4/2019. Bà Ph với ông L có 01 con chung tên Kim L, sinh ngày 18/10/2019. Sau khi cưới bà Ph và ông L về bên nhà mẹ ruột của bà Ph sinh sống, ban đầu cuộc sống hôn nhân giữa 02 vợ chồng cũng khá hạnh phúc, nhưng từ khi sinh con vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu về vấn đề tài chính, ông L không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi, một đến hai tuần mới về nhà một lần; đến khoảng tháng 6/2020 thì ông L bỏ đi ở nhà mẹ ruột tại khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho đến nay. Từ đó bà Ph và ông L đã ly thân với nhau. Nay bà Ph xác định không còn tình cảm với ông L cuộc sống hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Kim Văn L. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L mặc dù biết được việc Tòa án triệu tập mời hòa giải nhưng ông L đều cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông L không có thiện chí muốn được đoàn tụ với bà Ph. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy cho bà Ph được ly hôn với ông L là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Kim Ph xác định có 01 con chung tên Kim L, sinh ngày 18/10/2019. Bà Trần Thị Kim Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu đang được bà Ph chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Kim L cho bà Trần Thị Kim Ph là hợp lý.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bà Trần Thị Kim Ph biết về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con được quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tuy nhiên bà Trần Thị Kim Ph không yêu cầu ông Kim Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim Ph khẳng định, bà với ông Kim Văn L không có tài sản chung, nên bà Ph không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim Ph khẳng định, bà với ông Kim Văn L không có nợ chung nên bà Ph không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Đối với đề nghị của vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ph.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Kim Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim Ph được ly hôn với ông Kim Văn L.

- Về con chung: Bà Trần Thị Kim Ph và ông Kim Văn L có 01 con chung tên Kim L, sinh ngày 18/10/2019. Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Trần Thị Kim Ph được trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Trần Thị Kim Ph không yêu cầu ông Kim Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim Ph khẳng định, bà với ông Kim Văn L không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim Ph khẳng định, bà với ông Kim Văn L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim Ph phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Trần Thị Kim Ph đã đóng theo biên lai thu tiền số 0010130 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Trần Thị Kim Ph đã nộp xong án phí. Ông Kim Văn L không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (số 16, ngày 09/4/2019);
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Diệp Thị Nết

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND phường 1, thành phố Trà Vinh,
tỉnh Trà Vinh (số 16, ngày 09/4/2019);
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Diệp Thị Nết

